

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2023/DS-ST

Ngày: 26-4-2023

V/v tranh chấp “quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH

NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Mộng Linh
- Bà Phan Thị Cẩm Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Nguyệt- Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-DS ngày 20/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐ-HPT ngày 06/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Võ Quốc Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp B, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có yêu cầu vắng mặt.

- Bị đơn: ông Tô Văn T, sinh năm 1970 và bà Lê Thị C, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: ấp A, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ông T và bà C vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Lê Thị K, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp G, xã T, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chị K ủy quyền cho anh Võ Quốc Đ tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Võ Quốc Đ đồng thời được sự ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị K trình bày:

Nguồn gốc phân đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 19 tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc tại xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre là của bà Trương Thị A; anh nhận chuyển nhượng của bà A vào năm 2020 và hai bên đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng đồng thời được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29/9/2020; liên kề với phần đất tranh chấp là phần đất thuộc thửa 08, tờ bản đồ 15 của ông Tô Văn T và bà Lê Thị C có diện tích 382,2 m²; khi bà Trương Thị A còn sử dụng đất thửa 19, tờ bản đồ số 15 thì giữa bà A, ông T, bà C có tranh chấp nhưng sau đó hai bên đã tự thỏa thuận và bà A đã đồng ý để ông T xây dựng hàng rào trước khi đo đạc Vlap và sử dụng ổn định theo hiện trạng hàng rào từ đó đến nay. Sau khi anh nhận chuyển nhượng đất từ bà Anh thì ông T, bà C lại ngăn cản không cho anh sử dụng, cụ thể phần ký hiệu 19b với diện tích 9,3m² theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 19, tờ bản đồ số 15 ngày 22/7/2022 là phần phía ngoài hàng rào của ông T, bà C và thuộc một phần thửa số 19, tờ bản đồ số 15 của anh nhưng ông T, bà C không cho anh sử dụng đất. Nếu căn cứ vào Họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 19, tờ bản đồ số 15 ngày 22/7/2022 thì phần đất có ký hiệu 19a với diện tích 2,3m² và ký hiệu 19b với diện tích 9,3m² với tổng diện tích 11,6m² là thuộc một phần thửa số 19, tờ bản đồ số 15 trong quyền sử dụng đất của anh. Tuy nhiên do trước đây bà Anh và ông T, bà C đã thống nhất thỏa thuận và bà Anh có đồng ý cho ông T xây dựng hàng rào và sử dụng luôn phần đất có ký hiệu 19a với diện tích 2,3m² nên đối với phần đất này anh không tranh chấp. Anh đồng ý giao cho ông T, bà C quản lý và sử dụng phần đất có ký hiệu 19a với diện tích 2,3m² thuộc một phần thửa 19, tờ bản đồ số 15 và tất cả các tài sản gắn liền với đất (hàng rào do ông T, bà C đầu tư xây dựng). Do đó nay anh thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tô Văn T và bà Lê Thị C có nghĩa vụ giao trả cho anh và vợ anh là Lê Thị K phần đất có diện tích 9,3m² (ký hiệu 19b) thuộc một phần thửa 19, tờ bản đồ số 15 lạc tại xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Anh đồng ý với kết quả định giá theo Biên bản định giá ngày 14/6/2022 và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/6/2022, Họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 19, tờ bản đồ số 15 ấp A, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre. Về chi phí tố tụng anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết nếu ông T, bà C thua kiện thì phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 4.565.000 đồng.

Theo nội dung Biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2022 bị đơn Tô Văn T và Lê Thị C cùng trình bày: nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông, bà mua của ông N (không nhớ rõ họ tên) và ông, bà đã sử dụng ổn định khoảng 30 năm. Bà Huỳnh Thị L là người sử dụng đất liền kề với ông, bà là thửa 19, tờ bản đồ số 15 và quá trình sử dụng đất giữa ông, bà và bà Lê sử dụng ổn định không ai khiếu nại hay tranh chấp gì. Đến năm 2020 anh Võ Quốc Đ nhận chuyển nhượng đất thì giữa ông, bà, bà L và anh Đ đã thống nhất xác định ranh và cũng không ai tranh chấp gì. Ông, bà khẳng định ông, bà hoàn toàn không có sử dụng đất lấn ranh qua phần đất của anh Đ nên ông, bà không đồng ý giao trả đất theo yêu cầu của anh Đ.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 21/02/2023 người làm chứng Trương Thị A trình bày:

Bà không có quan hệ bà con gì cũng như không có mâu thuẫn gì với anh Võ Quốc Đ, ông Tô Văn T và bà Lê Thị C. Nguồn gốc phần đất tranh chấp thuộc thửa 19 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp A, xã N, huyện P là của bà chuyển nhượng cho anh Võ Quốc Đ vào năm 2020. Trước khi bà chuyển nhượng cho anh Đ thì phần đất nêu trên bà là người trực tiếp quản lý và sử dụng thửa đất 19, tờ bản đồ số 15 với diện tích 130,4m². Liền kề với phần đất thửa số 19, tờ 15 là phần đất thuộc thửa 08, tờ bản đồ số 15 của ông Tô Văn T và bà Lê Thị C. Quá trình sử dụng đất trước đây thì giữa bà và ông T có tranh chấp phần ranh nhưng sau đó các bên đã tự thương lượng và ông T, bà C đã xây hàng rào sử dụng ổn định khoảng hơn 10 năm nay (là phần hàng rào theo hiện trạng hiện nay giữa thửa 19a và 19b). Sau khi ông T xây hàng rào phần đất còn lại của bà do bà quản lý và sử dụng sau đó bà đã chuyển nhượng toàn bộ cho anh Võ Quốc Đ. Bà khẳng định phần đất theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 22/7/2022 có diện tích 11,6 m² (gồm ký hiệu 19a diện tích 2,3 m² và ký hiệu 19b diện tích 9,3m²) thuộc một phần thửa số 19, tờ bản đồ số 15 là của anh Võ Quốc Đ, không phải của ông T, bà C. Việc ông T, bà C xây dựng hàng rào lấn qua thửa 19 ((diện tích 2,3 m²) hiện nay của anh Đ) là không đúng nhưng do tình làng nghĩa xóm nên trước đó bà đã đồng ý cho ông T, bà C sử dụng luôn phần đất có diện tích 2,3 m² nêu trên. Khi bà chuyển nhượng đất cho anh Đ thì ông T, bà C cũng không có ngăn cản hay tranh

chấp gì. Vào ngày 29/9/2020 anh Võ Quốc Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 130,4m² thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 15 (bao gồm cả phần đất có ký hiệu 19a diện tích 2,3 m²). Bà khẳng định phần diện tích qua đo đạc thực tế 11,6 m² (gồm ký hiệu 19a diện tích 2,3 m² và ký hiệu 19b diện tích 9,3m²) thuộc một phần thửa số 19, tờ bản đồ số 15 là của anh Võ Quốc Đ nên bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định. Do bận công việc gia đình nên bà xin được vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Bà cam kết không tranh chấp hay khiếu nại gì về sau.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/6/2022 và biên bản định giá tài sản ngày 10/9/2022, ghi nhận kết quả như sau:

- Về đất: giá đất là 7.600.000 đồng/m². Diện tích 9,3m²; Thành tiền: 9,3m²x 7.600.000 đồng/m² = 70.680.000 đồng.

- Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/6/2022 ghi nhận trên phần đất tranh chấp do nguyên đơn xác định không có cây trồng và vật kiến trúc gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: như nội dung văn bản phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát số 48/PB-VKS-DS ngày 26/4/2023 đã lưu trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 26; khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, 202, 203 của Luật đất đai năm 2013.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đ đối với ông T, bà C với diện tích là 2,7m² thuộc một phần thửa 19, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp An Bình, xã An Nhơn, huyện Thanh Phú.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ quốc Đ: Buộc ông Tô Văn T và bà Lê Thị C trả lại cho anh Võ Quốc Đ phần đất có diện tích 9,3m² (ký hiệu 19b) thuộc một phần thửa 19, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp An Bình, xã An Nhơn, huyện Thanh Phú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Phần đất tranh chấp thuộc thửa số 19 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp A, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn Tô Văn T và Lê Thị C đã được toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: Anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tô Văn T và bà Lê Thị C có nghĩa vụ giao trả cho anh Đ và chị Lê Thị K phần đất có diện tích 9,3m² (ký hiệu 19b) thuộc một phần thửa 19, tờ bản đồ số 15 lạc tại xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Anh Đ đồng ý giao cho ông T, bà C quản lý và sử dụng phần đất có ký hiệu 19a với diện tích 2,3m² thuộc một phần thửa 19, tờ bản đồ số 15 và tất cả các tài sản gắn liền với đất (hàng rào do ông T, bà C đầu tư xây dựng) nên anh Đ không tranh chấp phần đất này.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Quốc Đ, xét thấy:

[5.1] Về nguồn gốc phần đất thuộc thửa 19, tờ bản đồ số 15 là của anh Võ Quốc Đ nhận chuyển nhượng từ bà Trương Thị A vào ngày 14/9/2020; đến ngày 29/9/2020 anh Võ Quốc Đ được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 130,4m² số vào sổ cấp GCN: CS03651, số giấy chứng nhận CX 785459. Căn cứ vào Họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 19, tờ bản đồ số 15 có diện tích 130,4m² gồm các ký hiệu (ký hiệu 19a diện tích 2,3 m², ký hiệu 19b diện tích 9,3 m², ký hiệu 19 diện tích 118,8 m²). Liên kề với phần đất thuộc thửa 19, tờ bản đồ số 15 là phần đất thuộc thửa số 08, tờ bản đồ số 15 (đo đạc cũ thuộc các thửa 392, 802, 803 cùng tờ bản đồ số 02 với tổng diện tích 419 m² do Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Tô Văn T ngày 25/6/2004). Ngày 20/6/2019 ông T, bà C được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thông qua Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 14/4/2019 với diện tích 382,2m² số vào sổ cấp GCN:

CS03352, số giấy chứng nhận CR 473289 (chênh lệch giảm 36,8m² với lý do chênh lệch hai lần đo đạc, ranh giới không thay đổi). Quá trình sử dụng đất của ông Tô Văn T và bà Lê Thị C từ sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các bên sử dụng ổn định, không có ai tranh chấp hay khiếu nại gì.

[5.2] Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ Tòa án đã tiến hành tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú cùng các bản sao tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho ông Tô Văn T và bà Lê Thị C nhưng ông T, bà C đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh cho lời trình bày của ông T, bà C là có căn cứ và hợp pháp. Căn cứ vào Hòa đồng hiện trạng sử dụng đất thửa đất 19, tờ bản đồ số 15 xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú ngày 22/7/2022 thể hiện thửa số 19 có tổng diện tích là 130,4 m² gồm các ký hiệu như sau: ký hiệu 19a diện tích 2,3 m², ký hiệu 19b diện tích 9,3 m², ký hiệu 19 diện tích 118,8 m² và diện tích này phù hợp với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh Võ Quốc Đ đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 29/9/2020; đối với phần diện tích của thửa số 08 tờ bản đồ số 15 do ông T và bà C đang quản lý và sử dụng có diện tích 382,2m² là phù hợp với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Tô Văn T và bà Lê Thị C đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 20/6/2019. Đồng thời xét về hình thể thửa đất số 19 tờ bản đồ số 15 có cơ sở xác định phần diện tích ở các vị trí ký hiệu 19a và 19b thì ông Tô Văn T và bà Lê Thị C đã lấn sang phần đất của anh Đ so với đường ranh VLap đã xác định; hơn nữa qua quá trình sử dụng đất thì ông T và bà C đã tự xây hàng rào kiên cố có ý nghĩa làm ranh phân chia giữa phần đất thửa số 08 của ông T, bà C và phần đất thửa số 19 của anh Đ (qua đo đạc thực tế phần hàng rào là ranh phân chia giữa thửa đất có ký hiệu 19a và 19b nằm trong quyền sử dụng đất của anh Võ Quốc Đ). Tuy nhiên đối với phần đất có ký hiệu 19a có diện tích 2,3 m² thuộc một phần thửa số 19, tờ bản đồ số 15 từ trước đến nay do ông T, bà C trực tiếp quản lý và sử dụng nên anh Đ đồng ý tiếp tục giao cho ông T, bà C quản lý và sử dụng và không tranh chấp phần đất này. Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh Võ Quốc Đ là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Võ Quốc Đ: Buộc ông Tô Văn T và bà Lê Thị C có nghĩa vụ giao trả cho anh Võ Quốc Đ phần đất có diện tích 9,3 m² (ký hiệu 19b) thuộc một phần thửa 19, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp An Bình, xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú.

[6] Mặc dù phần đất có ký hiệu 19a với diện tích 2,3m² thuộc một phần thửa 19, tờ bản đồ số 15 thuộc quyền sử dụng đất của anh Võ Quốc Đ nhưng anh Đ đồng ý giao cho ông Tô Văn T và bà Lê Thị C quản lý và sử dụng phần đất nêu trên và tất cả các tài sản gắn liền với đất (hàng rào do ông T, bà C đầu tư xây dựng) và không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

[7] Về chi phí tố tụng: bị đơn Tô Văn T và Lê Thị C có nghĩa vụ liên đới chịu chi phí tố tụng là 4.565.000 đồng.

[8] Ông Tô Văn T và bà Lê Thị C có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm c, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 157, 227, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 170, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Võ Quốc Đ về việc yêu cầu ông Tô Văn T và bà Lê Thị C có nghĩa vụ giao trả phần đất có diện tích là 2,7m²(theo nội dung đơn khởi kiện ban đầu là 12 m²) thuộc một phần thửa 19, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp An Bình, xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Quốc Đ: Buộc ông Tô Văn T và bà Lê Thị C có nghĩa vụ giao trả cho anh Võ Quốc Đ và chị Lê Thị K phần đất có diện tích 9,3 m² (ký hiệu 19b) thuộc một phần thửa 19, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp An Bình, xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký, điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng diện tích, vị trí thửa đất theo quy định pháp luật. (Có họa đồ kèm theo).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Tô Văn T và bà Lê Thị C có nghĩa vụ chịu 4.565.000 đồng nhưng do anh Võ Quốc Đ đã chi tạm ứng toàn bộ nên ông Tô Văn T

và bà Lê Thị C có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho anh Võ Quốc Đ số tiền 4.565.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Võ Quốc Đ được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0004399 ngày 16/02/2022.

Ông Tô Văn T và bà Lê Thị C có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng Đ hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tô

